

Đắc Lắc với FTA thế hệ mới: Giải pháp đột phá để sản phẩm cá ngừ, tôm hùm chinh phục thị trường cao cấp thuộc khuôn khổ EVFTA và CPTPP

Nguyễn Ngọc Tuyên¹, Phạm Thị Bích Ngọc², Đào Thái Hòa³ và Vũ Ngọc Hương⁴

Ngày nhận bài: 05/11/2025 | Ngày gửi phản biện: 13/11/2025 | Ngày duyệt đăng: 24/11/2025

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu đánh giá thực trạng xuất khẩu cá ngừ đại dương và tôm hùm của Đắc Lắc nhất là các thị trường thuộc khuôn khổ EVFTA, CPTPP. Mặc dù có lợi thế về thuế quan và ưu đãi FTA nhưng hạn chế xuất khẩu do các rào cản phi thuế quan nghiêm ngặt. Bài viết đề xuất một hệ thống giải pháp đột phá và đồng bộ nhằm nâng cao năng lực tuân thủ và cạnh tranh. Các giải pháp này nhằm giúp Đắc Lắc vượt qua rào cản kỹ thuật và tối ưu hóa lợi ích từ các FTA, mở đường cho hai sản phẩm chủ lực chinh phục các thị trường cao cấp.

Từ khóa: Thủy sản, lợi thế, thị trường, FTA, EVFTA, CPTPP, Đắc Lắc.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu ngày càng sâu rộng, các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, tiêu biểu như Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) hay Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA), đã mở ra những cơ hội chưa từng có nhưng cũng đi kèm với thách thức lớn đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và các địa phương nói riêng. Tỉnh Đắc Lắc (Phú Yên, cũ), với lợi thế tự nhiên và vị trí địa lý chiến lược, đã xác định kinh tế biển là ngành kinh tế mũi nhọn, trong đó, hai sản phẩm cá ngừ đại dương và tôm hùm giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong cơ cấu xuất khẩu. Các sản phẩm này không chỉ là nguồn thu nhập chính của hàng nghìn hộ dân ven biển mà còn là biểu tượng cho năng lực cạnh tranh của tỉnh. Tuy nhiên, việc tận dụng các ưu đãi từ FTA thế hệ mới - vốn có những yêu cầu khắt khe hơn về Quy tắc xuất xứ (R.O.O), tiêu chuẩn kỹ thuật (SPS) và các vấn đề về phát triển bền vững (như IUU), đang đặt ra nhiều vướng mắc cho các doanh nghiệp và hộ sản xuất tại Đắc Lắc.

2. Thực trạng xuất khẩu thủy sản của tỉnh Đắc Lắc (Phú Yên, cũ)

Tỉnh Phú Yên (cũ), một phần của tỉnh Đắc Lắc hiện nay, là một trong những tỉnh có đóng góp đáng kể vào tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam, với cá ngừ đại dương và tôm hùm là hai sản phẩm chính, đại diện cho lợi thế so sánh của kinh tế biển tỉnh. Nhìn nhận thực trạng xuất khẩu hai sản phẩm thời gian qua có thể thấy:

Trước hết, cá ngừ đại dương được xem là sản phẩm chủ lực số một trong xuất khẩu hải sản của tỉnh, là một trong bốn tỉnh có sản lượng cá ngừ lớn nhất Việt Nam, với sản lượng khai thác hàng năm

¹ GS., Viện Kinh tế và Quản lý Tây Nguyên

² CN., Viện Kinh tế và Quản lý Tây Nguyên

³ ThS., Ngân hàng CSXHCN Đắc Lắc

⁴ ThS., Chi cục Phát triển nông thôn Đắc Lắc

dao động trong khoảng 3.500 - 4.000 tấn. Tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của tỉnh những năm gần đây thường đạt trên 100 triệu USD/năm, trong đó phần lớn đến từ các sản phẩm cá ngừ và sản phẩm chế biến từ cá ngừ (tám tháng đầu năm 2024 đạt 93,3 triệu USD). Cá ngừ Đắc Lắc đã tiếp cận các thị trường khó tính và đòi hỏi tiêu chuẩn cao như Mỹ, EU, Nhật Bản và Canada, những thị trường chính của các FTA thế hệ mới. Sản phẩm cá ngừ được chế biến tại Đắc Lắc chủ yếu phục vụ xuất khẩu (fillet, xông khói, đóng hộp), cho thấy đã có sự đầu tư vào khâu chế biến sâu. Mặc dù có tiềm năng, ngành cá ngừ Đắc Lắc đang phải đối mặt với các rào cản nội tại lớn, làm giảm khả năng tận dụng ưu đãi FTA như Bảng 1 miêu tả.

Bảng 1: Những hạn chế và thách thức khi tham gia FTA của ngành cá ngừ Đắc Lắc

Hạn chế/ Thách thức	Mô tả chi tiết (Tác động đến FTA)
Chất lượng Nguyên liệu	Bảo quản sau khai thác kém: Phần lớn tàu cá vẫn sử dụng hầm gỗ lót xốp, quy trình sơ chế, bốc dỡ chưa chuẩn, dẫn đến chất lượng cá bị giảm sút (giá thu mua thấp, dưới 100.000 đồng/kg), khó đáp ứng tiêu chuẩn cao của EU/Mỹ.
Khai thác IUU và Truy xuất nguồn gốc	Thách thức lớn nhất: Từ khi EC áp “Thẻ vàng” (2017) cho thủy sản khai thác Việt Nam, hoạt động xuất khẩu cá ngừ đại dương đã giảm tính cạnh tranh nghiêm trọng tại thị trường EU. Việc truy xuất nguồn gốc và quản lý đội tàu chưa hoàn toàn đồng bộ, cản trở trực tiếp việc cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) để hưởng thuế ưu đãi EVFTA.
Liên kết chuỗi	Hoạt động khai thác, thu mua, chế biến còn thiếu liên kết chặt chẽ. Ngư dân thường bị ép cấp, ép giá do thiếu chợ đầu giá và kho lạnh tiêu chuẩn tại bến cảng, làm giảm động lực nâng cao chất lượng.

Thứ hai, đối với tôm hùm. Tỉnh Phú Yên (cũ) được mệnh danh là “thủ phủ” của nghề nuôi tôm hùm tại Việt Nam, cùng với Khánh Hòa, chiếm trên 95% tổng số lượng lồng nuôi cả nước. Tôm hùm Phú Yên (cũ) phụ thuộc rất lớn vào thị trường Trung Quốc (thị trường chính của RCEP và các hiệp định song phương). Ngành tôm hùm đang đối mặt với những rủi ro thị trường và quy tắc xuất xứ cực kỳ nhạy cảm (Xem Bảng 2).

Bảng 2: Những hạn chế và thách thức khi tham gia FTA của ngành tôm Đắc Lắc

Hạn chế/ Thách thức	Mô tả chi tiết (Tác động đến FTA/Thị trường)
Phụ thuộc nguồn giống	100% nguồn giống tôm hùm bông (sản phẩm có giá trị kinh tế cao) vẫn phải phụ thuộc vào khai thác tự nhiên.
Rào cản thị trường mới	Yêu cầu nghiêm ngặt từ Trung Quốc: Từ cuối năm 2023, Trung Quốc yêu cầu tôm hùm bông xuất khẩu phải có minh chứng quá trình nuôi rõ ràng và không sử dụng nguồn giống khai thác từ tự nhiên. Điều này đã khiến hoạt động xuất khẩu tôm hùm bông bị ngưng trệ hoặc giảm mạnh (Quý IV/2023 - Quý I/2024), thể hiện rủi ro khi thị trường chính tăng rào cản phi thuế quan.

Quy mô và chuỗi liên kết	Nghề nuôi vẫn chủ yếu ở quy mô hộ gia đình, nhỏ lẻ. Việc tổ chức sản xuất theo hướng hợp tác xã hoặc liên kết chuỗi giá trị còn rất hạn chế (chỉ có hai HTX nuôi tôm hùm tại Phú Yên và Khánh Hòa), gây khó khăn trong việc kiểm soát chất lượng đồng bộ theo chuẩn quốc tế.
Truy xuất nguồn gốc	Việc gắn tem truy xuất nguồn gốc cho tôm hùm mới đang ở giai đoạn thí điểm (tháng 7/2024), chưa thể áp dụng đồng bộ trên diện rộng, làm giảm khả năng chứng minh R.O.O khi xuất khẩu sang các thị trường FTA.

Nhìn chung, mặc dù cá ngừ và tôm hùm là sản phẩm có lợi thế so sánh, khả năng tận dụng ưu đãi FTA thế hệ mới của Đắk Lắk còn rất khiêm tốn do những hạn chế về chất lượng nguyên liệu (cá ngừ), kiểm soát nguồn gốc và bền vững IUU (cá ngừ), kiểm soát nguồn giống và rủi ro thị trường (tôm hùm). Điều này cho thấy, FTA đã tạo ra cơ hội giảm thuế quan nhưng các yêu cầu về rào cản phi thuế quan và tiêu chuẩn bền vững đang là vạch cản lớn nhất mà các doanh nghiệp và hộ sản xuất Đắk Lắk cần vượt qua.

3. Đánh giá tác động của FTA thế hệ mới đến xuất khẩu cá ngừ và tôm hùm Đắk Lắk

Các FTA thế hệ mới không chỉ là câu chuyện giảm thuế mà còn là cuộc chơi của tiêu chuẩn. Tác động lên hai sản phẩm chủ lực của Đắk Lắk được thể hiện qua hai khía cạnh đối lập: Cơ hội tiếp cận thị trường lớn và thách thức về tuân thủ quy tắc.

Cơ hội và lợi thế

Một là, ưu đãi thuế quan vượt trội

+ *Đối với cá ngừ.* EU là thị trường xuất khẩu cá ngừ lớn thứ hai của Việt Nam. Theo EVFTA, nhiều dòng sản phẩm cá ngừ chế biến của Việt Nam được giảm thuế về 0% hoặc giảm sâu theo lộ trình (ví dụ: cá ngừ đóng hộp có hạn ngạch miễn thuế). Việc giảm thuế ngay lập tức giúp sản phẩm cá ngừ Đắk Lắk có lợi thế cạnh tranh về giá so với các đối thủ không thuộc FTA (như Thái Lan, Ecuador). Đây là động lực lớn để doanh nghiệp đầu tư vào chế biến sâu nhằm tối ưu hóa lợi ích thuế quan.

+ *Đối với Tôm hùm.* Mặc dù thị trường chính là Trung Quốc (thuộc RCEP), việc tiếp cận CPTPP (Canada, Nhật Bản) với mức thuế giảm sâu hoặc về 0% cho tôm chế biến mở ra cơ hội đa dạng hóa thị trường, giảm thiểu rủi ro phụ thuộc vào một thị trường duy nhất, đặc biệt sau những rào cản từ thị trường Trung Quốc.

Hai là, động lực cải cách tiêu chuẩn và nâng cao chất lượng.

+ *Quy tắc xuất xứ (R.O.O):* FTA thế hệ mới yêu cầu R.O.O nghiêm ngặt (ví dụ: cá ngừ phải có nguồn gốc từ tàu Việt Nam khai thác, tôm phải được nuôi/chế biến tại Việt Nam). Việc tuân thủ R.O.O buộc các doanh nghiệp và hộ sản xuất Đắk Lắk phải đầu tư vào hệ thống truy xuất nguồn gốc minh bạch hơn, từ khâu khai thác/nuôi trồng đến chế biến. Đồng thời, tăng cường kiểm soát chất lượng đầu vào để đảm bảo tiêu chuẩn quốc tế (HACCP, ISO).

+ *Cải cách thể chế:* Áp lực từ FTA thúc đẩy các cơ quan quản lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk phải tăng cường kiểm soát IUU và hỗ trợ ngư dân lắp đặt thiết bị giám sát hành trình, từng bước xóa bỏ “Thẻ vàng” IUU, tạo nền tảng cho sự phát triển thủy sản bền vững.

Ba là, thu hút đầu tư và chuyển giao công nghệ

Việc mở cửa thị trường và nâng cao tiêu chuẩn kéo theo sự quan tâm của các nhà đầu tư nước ngoài (FDI) vào khâu chế biến, bảo quản. Điều này giúp Đắk Lắk tiếp cận công nghệ chế biến hiện đại để tăng giá trị gia tăng cho cá ngừ, thay vì xuất khẩu thô.

Tác động tiêu cực

Mặt trái của FTA thế hệ mới chính là những rào cản kỹ thuật và phi thuế quan mà Đắk Lắk chưa hoàn toàn đáp ứng được, đặc biệt là do những hạn chế nội tại đã đề cập ở trên.

+ *Rào cản kỹ thuật và vấn đề bền vững.* Các thị trường FTA (EU, Mỹ, Nhật Bản) có quy định nghiêm ngặt về dư lượng kháng sinh, thuốc bảo vệ thực vật, và các chất cấm khác. Đối với Tôm hùm, việc nuôi theo phương thức truyền thống, nhỏ lẻ tại Đắk Lắk khiến việc kiểm soát môi trường nước và thức ăn khó khăn, tăng nguy cơ không đạt chuẩn SPS khi xuất khẩu chính ngạch. *Đối với vấn đề IUU (Khai thác cá ngừ),* đây là thách thức nghiêm trọng nhất. Việc chưa gỡ bỏ được “Thẻ vàng” đồng nghĩa với việc cá ngừ Đắk Lắk mất đi lợi thế thuế quan của EVFTA, do không đáp ứng được điều kiện R.O.O liên quan đến khai thác hợp pháp, làm giảm đáng kể tính cạnh tranh.

+ Thách thức về năng lực nội tại và cạnh tranh. Có ba vấn đề cần xét đến, đó là:

i) *Khả năng tận dụng C/O thấp:* Dù có ưu đãi thuế, nhiều doanh nghiệp Đắk Lắk không thể tận dụng do khó khăn trong chứng minh R.O.O (do hạn chế về truy xuất nguồn gốc, IUU).

ii) *Cạnh tranh khốc liệt:* FTA thế hệ mới đồng nghĩa với việc các đối thủ cạnh tranh mạnh mẽ như Ecuador, Philippines (ngành cá ngừ) hay các quốc gia CPTPP/EVFTA khác cũng được hưởng lợi. Các nước này thường có công nghệ khai thác/nuôi trồng và chuỗi logistics hiệu quả hơn, tạo áp lực lớn lên chi phí sản xuất và chất lượng của Đắk Lắk.

iii) *Khả năng thích ứng của hộ sản xuất:* Đại đa số hộ nuôi tôm hùm và ngư dân khai thác cá ngừ còn hạn chế về vốn, thông tin về FTA và kỹ thuật sản xuất/khai thác bền vững, dẫn đến sự chênh lệch lớn giữa yêu cầu thị trường và năng lực sản xuất thực tế.

Tóm lại, tác động của FTA thế hệ mới lên ngành cá ngừ và tôm hùm Đắk Lắk là một con dao hai lưỡi. Trong khi FTA mở ra cánh cửa lớn về thuế quan, thì rào cản về tuân thủ đang ngăn cản hiệu quả việc tận dụng ưu đãi này. Các giải pháp được đề xuất phải tập trung giải quyết triệt để các rào cản phi thuế quan này.

3. Các giải pháp đột phá thúc đẩy tận dụng lợi thế FTA thế hệ mới đối với xuất khẩu sản phẩm cá ngừ và tôm hùm Đắk Lắk

Để tối đa hóa lợi ích từ các FTA thế hệ mới, tỉnh Đắk Lắk cần triển khai các giải pháp mang tính đồng bộ và hướng đến giải quyết các rào cản phi thuế quan (đặc biệt là IUU và SPS) đã được phân tích. Bốn nhóm giải pháp được đề xuất như sau:

i) *Trước hết nhóm giải pháp về chính sách, khoa học và quản lý*

Một là, ưu tiên hàng đầu đó là giải quyết triệt để vấn đề IUU. Cần tiến hành thực thi đồng bộ, tăng cường kiểm tra, kiểm soát việc lắp đặt và bật thiết bị giám sát hành trình (VMS) trên 100% tàu cá có nguy cơ cao. Áp dụng công nghệ vào triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử từ tàu cá đến cảng, nhà máy chế biến một cách nhanh chóng, minh bạch để đáp ứng yêu cầu R.O.O cho cá ngừ xuất khẩu sang EU.

Hai là, nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật nuôi tôm hùm bền vững. Tập trung đầu tư và chuyển giao công nghệ sản xuất giống tôm hùm nhân tạo (đặc biệt là tôm hùm bông) để thoát khỏi sự phụ thuộc vào khai thác tự nhiên, giải quyết rào cản của thị trường Trung Quốc và đảm bảo nguồn cung bền vững. Phối hợp với doanh nghiệp xây dựng các mô hình nuôi tôm hùm theo tiêu chuẩn VietGAP/GlobalGAP và quy hoạch vùng nuôi lồng bè xa bờ, mật độ hợp lý để kiểm soát môi trường và dịch bệnh.

Ba là, cung cấp thông tin và cảnh báo sớm. Thành lập hoặc nâng cấp trung tâm thông tin FTA chuyên sâu tại tỉnh, có trách nhiệm cảnh báo sớm về sự thay đổi của các rào cản kỹ thuật tại các thị trường FTA và hướng dẫn chi tiết quy trình xin cấp C/O.

ii) Thứ hai, nhóm giải pháp cho doanh nghiệp (chế biến và xuất khẩu)

Doanh nghiệp là chủ thể trực tiếp tận dụng FTA, cần chủ động nâng cao năng lực cạnh tranh và tuân thủ. Có hai vấn đề cần giải quyết đột phá đó là:

Một là, đầu tư vào chế biến sâu và giá trị gia tăng. Chuyển dịch cơ cấu sản phẩm cá ngừ, giảm tỷ trọng xuất khẩu thô/sơ chế, tăng đầu tư vào dây chuyền chế biến sâu (cắt khúc đông lạnh siêu sạch, sashimi, cá ngừ đóng hộp cao cấp) để tận dụng triệt để mức thuế 0% từ EVFTA. Triển khai bảo quản sau thu hoạch từ đầu tư nâng cấp công nghệ bảo quản lạnh (công nghệ đông lạnh siêu tốc) trên tàu và tại nhà máy, khắc phục tình trạng nguyên liệu kém chất lượng.

Hai là, xây dựng chuỗi liên kết giá trị và hợp tác quốc tế. Hình thành các chuỗi liên kết bền vững giữa Nhà khoa học - Nhà quản lý - Doanh nghiệp - Hộ sản xuất để kiểm soát chất lượng từ khâu đầu vào, đảm bảo tuân thủ R.O.O và SPS. Chủ động liên kết với các đối tác nước ngoài (thuộc FTA) để chuyển giao công nghệ chế biến và thiết lập các kênh phân phối ổn định, thay vì phụ thuộc vào thương nhân.

iii) Thứ ba, nhóm giải pháp cho hộ sản xuất/nuôi trồng (ngư dân và chủ lồng bè)

Cần có các biện pháp hỗ trợ và thúc đẩy ngư dân/hộ nuôi trồng tham gia vào chuỗi giá trị đạt chuẩn. Khuyến khích ngư dân/hộ nuôi tôm hùm tham gia hợp tác xã để đồng bộ hóa quy trình sản xuất, áp dụng tiêu chuẩn an toàn (VietGAP/GlobalGAP) và thống nhất đầu ra, tăng sức mạnh thương lượng với doanh nghiệp chế biến. Hợp tác xã là cầu nối để các hộ sản xuất nhỏ lẻ tiếp cận các gói tín dụng ưu đãi của Chính phủ để đầu tư nâng cấp công nghệ khai thác (đối với cá ngừ) hoặc lồng nuôi (đối với tôm hùm).

Tổ chức các lớp tập huấn thường xuyên về IUU cho ngư dân và về SPS cho hộ nuôi tôm hùm. Khuyến khích áp dụng triệt để các quy định về ghi chép nhật ký khai thác và nuôi trồng để phục vụ công tác truy xuất nguồn gốc

iv) Thứ tư, nhóm giải pháp về cơ chế vốn và tài chính xanh

Cần thiết lập các cơ chế tài chính đặc thù để hỗ trợ chuyển đổi mô hình sản xuất, đáp ứng yêu cầu cao về môi trường và phát triển bền vững của các FTA.

Đối với doanh nghiệp (chế biến và xuất khẩu Cá ngừ/Tôm hùm):

Một là, thiết lập Quỹ/Gói tín dụng Xanh ưu đãi. Cần có gói tín dụng lãi suất thấp và thời gian vay dài dành riêng cho các dự án đầu tư vào công nghệ chế biến sâu giảm thiểu chất thải, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn quốc tế, và mua sắm thiết bị bảo quản lạnh sử dụng năng lượng tái tạo. Doanh nghiệp phải cam kết đầu tư công nghệ nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn SPS, giảm phát thải, hoặc chuyển đổi sang các chứng nhận bền vững (ví dụ: MSC cho cá ngừ khai thác).

Hai là, cần có cơ chế bảo lãnh tín dụng. Tăng cường vai trò của các tổ chức bảo lãnh tín dụng của tỉnh để hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) thủy sản, đặc biệt là các doanh nghiệp tiên phong thực hiện truy xuất nguồn gốc và chống khai thác IUU, dễ dàng tiếp cận nguồn vốn ngân hàng.

Đối với Hộ sản xuất/Hợp tác xã (nuôi tôm hùm và khai thác cá ngừ)

Một là, hỗ trợ vốn vay chuyển đổi mô hình sản xuất xanh. Với hai mục tiêu chính, đó là:

+ Hỗ trợ nâng cấp lồng nuôi. Cần có các chương trình cho vay với thủ tục đơn giản để các HTX và hộ nuôi Tôm hùm chuyển từ lồng bè truyền thống sang lồng nuôi HDPE (vật liệu thân thiện môi trường, chống chịu bão tốt hơn), giúp ổn định sản xuất và giảm rủi ro môi trường.

+ Hỗ trợ trang bị thiết bị khai thác bền vững. Cung cấp vốn vay để ngư dân lắp đặt thiết bị giám sát hành trình (VMS), thiết bị bảo quản lạnh hiện đại trên tàu, và chuyển đổi ngư cụ ít gây hại môi trường, phù hợp với tiêu chí khai thác bền vững (giải quyết triệt để vấn đề IUU).

Hai là, ưu đãi tài chính cho chứng nhận chất lượng. Chính quyền tỉnh nên có chính sách hỗ trợ chi phí ban đầu (một phần hoặc toàn bộ) cho việc xin cấp các chứng nhận chất lượng quốc tế như GlobalGAP (cho Tôm hùm nuôi) và các chứng nhận truy xuất nguồn gốc, giúp HTX và hộ nuôi dễ dàng tham gia vào chuỗi cung ứng xuất khẩu chính ngạch.

4. Kết luận

Đắc Lắc sở hữu lợi thế so sánh rõ rệt về hai sản phẩm thủy sản cá ngừ và tôm hùm để phát triển kinh tế biển với tiềm năng lớn từ việc giảm thuế quan mà FTA mang lại. Tuy nhiên, khả năng tận dụng ưu đãi FTA hiện tại còn hạn chế do phải đối mặt với các rào cản phi thuế quan nghiêm ngặt. Những thách thức lớn nhất bao gồm: vấn đề Khai thác Bất hợp pháp (IUU) và chất lượng bảo quản sau thu hoạch chưa đáp ứng được Quy tắc Xuất xứ (R.O.O) và tiêu chuẩn kỹ thuật (SPS) của thị trường cao cấp đối với cá ngừ; Rủi ro lớn từ việc phụ thuộc nguồn giống tự nhiên và sự tập trung thị trường cao, dễ bị tổn thương trước các thay đổi chính sách thương mại và yêu cầu truy xuất nguồn gốc mới đối với tôm hùm. Các giải pháp được đề xuất trong bài tham luận hướng đến việc giải quyết căn cơ những thách thức này, thông qua việc tăng cường hệ thống quản lý (chống IUU, truy xuất nguồn gốc), nâng cao năng lực doanh nghiệp (đầu tư chế biến sâu, công nghệ sạch), cải thiện mô hình sản xuất của hộ dân (nuôi trồng bền vững, HTX kiểu mới), và đặc biệt là thiết lập cơ chế vốn và tài chính xanh để thúc đẩy chuyển đổi theo hướng kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững. Việc triển khai đồng bộ và quyết liệt các giải pháp này sẽ giúp Đắc Lắc vượt qua các rào cản kỹ thuật, tối ưu hóa lợi ích thuế quan từ FTA thế hệ mới, từ đó không chỉ gia tăng giá trị xuất khẩu mà còn đảm bảo sự phát triển bền vững và hòa nhập của ngành thủy sản trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Tài liệu tham khảo

1. Cục thống kê Tỉnh Phú Yên (2024). *Báo cáo tình hình kinh tế xã hội tháng 10 và 10 tháng năm 2024*. Truy cập www.fileportalcms.mpi.gov.vn
2. Chu Khôi (2024). *Xuất khẩu thủy sản tiếp đà phục hồi*. vneconomy.vn.
3. Mỹ Anh (2024). *Phú Yên, một năm chặt vật thực hiện các chỉ tiêu*. www.nld.com.vn
4. vasep (2024). *Thị trường nhập khẩu cá ngừ Việt Nam từ 1/1 đến 31/10/2024, thống kê thương mại*. Truy cập www.vasep.com.vn